

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 768/2026/DS-PT

Ngày: 26/8/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Triệu Hữu

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Ánh Bình
Ông Lê Minh Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thanh Thảo – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Phần - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 395/2026/TLPT – DS ngày 22/6/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 146/2026/ DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 721/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 861/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm: 1980, CCCD số 086180012800, cấp ngày 01/11/2023; Địa chỉ: Số A đường H, phường L, tỉnh Vĩnh Long; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Tấn T, sinh năm 2001. Địa chỉ: Số A, đường A, phường T, tỉnh Vĩnh Long; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Ngọc T- Công ty L thuộc đoàn luật sư tỉnh V; có mặt

Bị đơn:

1. Ông Hà Phước T, sinh năm: 1972, CCCD số 08607202937, cấp ngày 10/8/2021; vắng mặt

2. Bà Phạm Mỹ C, sinh năm 1974, CCCD số 086174010735, cấp ngày 10/8/2021; có mặt

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hà Phước T và bà Phạm Mỹ C: Luật sư Nguyễn Như H - Văn phòng L thuộc đoàn luật sư thành phố C; có mặt

Người kháng cáo: Ông Hà Phước T, bà Phạm Mỹ C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2025, đơn khởi kiện bổ sung, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Minh L do anh Nguyễn Tấn T đại diện trình bày:

Gia đình bà Nguyễn Thị Minh L có bán hạt cà phê thô, chưa qua sơ chế. Qua quen biết vợ chồng ông Hà Phước T và bà Phạm Mỹ C nên từ ngày 16/01/2023 đến 07/3/2024 bà L đã nhiều lần bán hạt cà phê thô cho ông T và bà C. Qua nhiều lần mua bán hàng hai bên đã thống nhất sẽ ký nhận hàng trước rồi sau đến cuối tuần sẽ tính và chi trả số tiền hàng trong tuần cho nhau. Thời gian gần đây ông T và bà C nhận hàng nhưng không thanh toán như thỏa thuận. Do số nợ quá nhiều vì vậy bà L không tiếp tục bán hạt cà phê cho ông T và bà C nữa. Vào ngày 12/11/2024 là lần giao hàng cuối cùng của bà L cho bị đơn tổng số tiền 20.185.000 đồng. Tổng tiền nợ từ năm 2022 đến ngày 23/11/2024 là 794.830.000 (có kèm bản kê ngày 23/12/2025 nộp cho Tòa án) + 20.185.000 đồng = 815.015.000 đồng.

Ngày 15/12/2024 bị đơn trả cho bà L số tiền 50.000.000 đồng; ngày 28/01/2025 trả 20.000.000 đồng; ngày 09/03/2025 trả 20.000.000 đồng; ngày 26/03/2025 trả 20.000.000 đồng; ngày 10/04/2025 trả 10.000.000 đồng. Nên tính đến ngày 10/4/2025, ông T và bà C còn nợ tiền mua hạt cà phê thô của bà L là 695.015.000 đồng. Bà L đã nhiều lần yêu cầu ông T và bà C trả nợ nhưng ông T và bà C không có thiện chí trả. Bà L có cung cấp đoạn ghi âm thể hiện bà C và ông T nợ tiền của bà L số tiền 695.015.000 đồng. Thời điểm ghi âm là ngày 21/5/2025 (theo vi bằng số 126 (2025)/VB-TPL ngày 24/11/2025).

Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu ông Hà Phước T và bà Phạm Mỹ C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ mua cà phê là 695.015.000 đồng và trả tiền lãi chậm trả từ ngày 30/3/2024 đến ngày 30/6/2025 là 15 tháng với số tiền 86.529.367 đồng. Tại đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 04/02/2026 bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện về lãi yêu cầu ông Hà Phước T và bà Phạm Mỹ C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 10/4/2025 đến ngày 30/01/2026 là 09 tháng, mức lãi suất 0,83%/tháng với số tiền là 51.917.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Bị đơn Bà Phạm Mỹ C trình bày:* Bà C và ông T có mua hạt cà phê thô của Nguyễn Thị Minh L từ năm 2023 đến năm 2024. Tính đến ngày 20/5/2025, bà C và ông T chỉ còn nợ lại bà L số tiền 639.650.000 đồng và đã trả số nợ này trong 03 lần gồm: ngày 21/5/2025 trả 150.000.000 đồng, ngày 28/5/2025 trả 150.000.000 đồng và ngày 07/6/2025 trả 339.650.000 đồng. Các lần trả tiền do bà C trực tiếp giao tiền mặt cho bà L tại nhà bà C và ông T, giao tiền không làm biên nhận. Khi bà L đến nhà nhận tiền thì chỉ đi một mình, ngày 21/5/2025 thì bà L đi cùng với một người kêu là di M nhận 150.000.000 đồng. Đoạn ghi âm bà L cung cấp đúng giọng nói của bà và ông T. Bà C không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đã trả xong nợ.

- *Bị đơn ông Hà Phước T trình bày:* Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Nguyễn Thị Minh L thì ông không đồng ý. Ông xác nhận giọng nói trong đoạn ghi âm do bà L cung cấp là của ông. Ông cùng vợ Phạm Mỹ C có mua hạt cà phê thô của Nguyễn Thị Minh L thời gian không nhớ, từ tháng 01/2025 âm lịch đến nay không còn mua cà phê của L nữa. Sau khi bà L đến nhà đòi nợ thì ông và bà C đã trả tiền xong hết cho bà L rồi nên không còn nợ nữa. Ông xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2026/ DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Minh L.

Buộc bị đơn Hà Phước T và Phạm Mỹ C có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Minh L số tiền nợ gốc, lãi tổng cộng là 764.238.000 đồng (bảy trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 695.015.000 đồng, lãi là 69.223.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/5/2026 và ngày 01/6/2026, bị đơn ông Hà Phước T, Phạm Mỹ C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý yêu cầu kháng cáo. Đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Hà Phước T vắng mặt không lý do.

Bị đơn Phạm Mỹ C trình bày: Bà C và ông T là vợ chồng, ông T vắng mặt lần thứ hai nhưng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với nội dung kháng cáo, bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm ngày 21/5/2025, thừa nhận có nợ của nguyên đơn nhưng cho rằng đã trả xong bằng tiền mặt.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất: Quan hệ hợp đồng mua bán, phương thức thanh toán, nghĩa vụ trả tiền.

Vấn đề không thống nhất: Nguyên đơn khởi kiện số tiền 695.015.000 đồng nhưng bị đơn chỉ thừa nhận nợ 639.658.000 đồng. Bà C trình bày đã trả xong tiền mua hàng còn nợ từ ngày 21/5/2025, số tiền 150.000.000 đồng; ngày 28/5/2025, số tiền 150.000.000 đồng và ngày 07/6/2025, số tiền 339.650.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị xem xét lại số tiền theo yêu cầu khởi kiện và việc tính lãi do nguyên đơn không chứng minh được số tiền.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm. Ông T là người kháng cáo không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt xem như từ bỏ kháng cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông T.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 295 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Hà Phước T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu về án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn là hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn Hà Phước T đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Bà C trình bày ông T không có đơn xin xét xử vắng mặt và không có chứng cứ chứng minh việc vắng mặt thuộc trường hợp trở ngại khách quan nên coi như từ bỏ việc kháng cáo và Tòa án đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông T theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn Hà Phước T, Phạm Mỹ C yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận quan hệ hợp đồng mua bán tài sản là cà phê hạt thô theo phương thức bị đơn là bên mua hàng, nhận hàng và thanh toán sau cho bên bán là nguyên đơn từ tháng 3 năm 2024 đến tháng 3 năm 2025. Bị đơn thừa nhận nợ tiền mua hàng nhưng cho rằng đã trả dần số tiền nợ bằng việc giao tiền mặt tại nhà của bà C 3 lần vào các ngày 21/5; 28/5 và 07/6/2025 không làm biên nhận nhưng có người làm chứng. Tuy nhiên, chứng cứ thể hiện trong sổ giao hàng, tin nhắn qua zalo (BL75) và vi bằng do nguyên đơn lập, chốt số tiền hàng mà nguyên đơn không ký tên tại thời điểm ngày 21/5/2025 bị đơn còn nợ 695.650.000 đồng, bị đơn vẫn thừa nhận nợ nên xác định bị đơn vẫn còn nợ nguyên đơn với số tiền 695.015.000 đồng và cam kết trả (BL 102, 110, 111), không thể hiện việc trả được số tiền 150.000.000 đồng như bị đơn trình bày. Đồng thời, vào các ngày 28/5/2025, bị đơn trình bày đã trả được số tiền 150.000.000 đồng và ngày 07/6/2025 trả được số tiền 339.650.000 đồng nhưng không có chứng cứ thể hiện việc trả tiền như biên nhận tiền, tất toán trên sổ giao hàng,... là không phù hợp phương thức mua hàng, nghĩa vụ thanh toán với số tiền lớn. Những người làm chứng do bị đơn đưa ra có sự mâu thuẫn với số lần bị đơn trình bày và không chứng kiến trực tiếp số tiền giao nhận. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2025, biên bản đối chất (BL5)

ngày 02/02/2025, biên bản hòa giải ngày 02/12/2026 (BL8), biên bản đối chất ngày 02/12/2025 (BL 121), ông T, bà C thừa nhận nội dung vi bằng ghi nhận sự việc trao đổi ngày 21/5/2025, ông T, bà C thừa nhận nợ. Đồng thời, ông T cho rằng bà C đã trả trong khi bà C lại trình bày không nhớ rõ việc trả tiền như thế nào. Quá trình giải quyết vụ án, bà C, ông T là bên mua hàng thừa nhận còn nợ tiền hàng và cho rằng đã thanh toán xong nhưng không cung cấp đầy đủ chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự và phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền, trả lãi chậm trả theo quy định tại Điều 410, Điều 357 Bộ luật dân sự như quyết định của cấp sơ thẩm là có cơ sở.

Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ nên kháng cáo là chưa đủ cơ sở để được chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Hà Phước T.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Hà Phước T, Phạm Mỹ C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 146/2026/ DS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Vĩnh Long.

Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 431, 433, 434, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Minh L.

Buộc bị đơn Hà Phước T và Phạm Mỹ C có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Minh L số tiền nợ gốc, lãi tổng cộng là 764.238.000 đồng (bảy trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 695.015.000 đồng, lãi là 69.223.000 đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Hà Phước T, Phạm Mỹ C mỗi người

phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010597 ngày 01/6/2026 và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009806 ngày 21/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bị đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 1 -Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Triệu Hữu